

Sơn La ngày 10 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1- Những sự kiện quan trọng.

1.1- Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

1.2- Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2011.

1.3- Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006.

2- Quá trình phát triển.

2.1- Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500 Kv;
- Xây dựng công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lấp đất;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; môi giới, đấu giá bất động sản;

- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng.

2.2- Tình hình hoạt động:

- Từ năm 1996 trở về trước Công ty hoạt động SXKD chuyên ngành sản xuất vật liệu xây dựng cho công trường chủ yếu là đá dăm và vữa bê tông thương phẩm.
- Từ năm 1997 đến năm 2005 Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh, ngoài việc giữ vững ngành nghề truyền thống là sản xuất VLXD, Công ty tham gia xây lắp các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình đường dây & trạm biến áp điện đến 500KV và đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.
- Từ năm 2006 ngoài các công việc sản xuất kinh doanh đã nêu trên Công ty còn tiến hành đầu tư vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; các dự án đô thị, khai khoáng và tham gia góp vốn đầu tư liên doanh liên kết vào nhiều lĩnh vực khác nhau ... theo xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

2.3- Định hướng phát triển.

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Kế hoạch năm 2011 (Kế hoạch Công ty mẹ):

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
1	Tổng giá trị sản lượng <i>Trong đó:</i> + Giá trị xây lắp + Ngoài xây lắp & SXCN	10 ³ đ 10 ³ đ 10 ³ đ 10 ³ đ	667.000.000 617.000.000 50.000.000	
2	Doanh thu	10 ³ đ	605.500.000	
3	Tiền về tài khoản	10 ³ đ	620.000.000	
4	Các khoản nộp Nhà nước <u>Trong đó:</u> + Thuế phải nộp. + Nộp BHXH	10 ³ đ	6.861.000 6.327.000 534.000	
5	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	6.700	
6	Khấu hao tài sản cố định	10 ³ đ	9.606.400	
7	Tỷ lệ khấu hao	%	19	
8	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	38.100.000	
9	Tổng số CBCNV	Người	70	
10	Cổ tức	%	15	
11	Vốn điều lệ	10 ³ đ	180.000.000	

*** Các mục tiêu chủ yếu:**

- Phát triển Sông Đà 7 thành một doanh nghiệp mạnh của Tập đoàn Sông Đà, hoạt động đa ngành nghề trong đó lấy xây dựng thủy điện và kinh doanh bất động sản là lĩnh vực kinh doanh chính
- Đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.
- Đảm bảo tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm, cụ thể:

Mục tiêu, tiến độ tại các công trình năm 2011.

1. Thủy điện Sơn La:

Thi công các hạng mục đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiến độ công trình, với khối lượng bê tông khoảng 50.000 m³; sản xuất và vận chuyển đá dăm đạt 58.780m³

2. Công trình thủy điện Nậm Chiến:

Thi công các hạng mục cửa nhận nước, đập vòm phần thân, đập tràn, cầu chuyển tiếp đảm bảo đúng tiến độ, với khối lượng bê tông dự kiến khoảng 80.800 m³.

3. Công trình thủy điện Lai Châu:

Tổ chức triển khai thi công các hạng mục xây dựng, lắp đặt các khu trạm trộn, trạm nghiền, lán trại đáp ứng theo yêu cầu tiến độ; Hoàn thành đổ bê tông kênh, cống dẫn dòng đảm bảo ngăn sông vào đầu năm 2012.

4. Công trình thủy điện Bản Chát:

Thi công các hạng mục theo tiến độ thỏa thuận với Ban điều hành tổng thầu, với khối lượng bê tông khoảng 60.000 m³.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư của Công ty nhằm đưa công trình sớm đi vào vận hành, khai thác. Bao gồm một số dự án sau:

1. Dự án thủy điện Nậm He:

Thi công các hạng mục: Hàm dẫn nước, đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước, nhà máy, kênh xả, trạm OPY, với khối lượng bê tông khoảng 56.000 m³.

2. Dự án thủy điện Tiên Thành:

- Thi công các hạng mục: Tràn xả lũ, tường phân dòng hạ lưu, cầu giao thông, nhà máy thủy điện;
- Tổ chức đấu thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị.

3. Dự án thủy điện Sập Việt:

Thi công các hạng mục bảo đảm tiến độ: Tuyển đầu mối, tuyển năng lượng, đào hầm với cường độ 260 md/tháng.

4. Dự án thủy điện Nậm Thi:

- Ký hợp đồng thuê đất dự án, xin cấp phép sử dụng tài nguyên nước; thỏa thuận đầu nối đường dây với EVN; hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng bổ sung giai đoạn 2 là 15 ha.

5. Dự án thủy điện Yantansian:

- Hoàn thành việc ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo phát điện trong quý 3/2011.

- Kế hoạch đầu tư : 131,7 tỷ đồng.

* Trong đó:

+ Chi phí xây lắp : 76,5 tỷ đồng;

+ Chi phí thiết bị : 41,6 tỷ đồng;

+ Chi phí khác : 13,6 tỷ đồng.

6. Dự án mở đá tại xã Cư yên - Lương Sơn - Tỉnh Hòa Bình

- Thực hiện xong công tác đền bù GPMB, xây dựng mỏ, bóc phủ khai thác từ Quý II/2011.

- Kế hoạch đầu tư : 58,5 tỷ đồng.

* Trong đó:

+ Chi phí xây lắp : 7,6 tỷ đồng;

+ Chi phí thiết bị : 40 tỷ đồng;

+ Chi phí khác : 10,9 tỷ đồng.

7. Dự án xây dựng Trung tâm TM, dịch vụ và nhà ở cao cấp An Khánh – HN.

- Phê duyệt TKKT, TKBVTC và tổng dự toán; Tổ chức thi công xây dựng phần móng.

- Kế hoạch đầu tư : 80 tỷ đồng.

* Trong đó:

+ Chi phí xây lắp : 60 tỷ đồng;

+ Chi phí khác : 20 tỷ đồng.

8. Dự án nhà vườn sinh thái NN công nghệ cao và Dự án khu đô thị Đồng Quang - Quốc Oai - Hà Nội

- Tiếp tục theo dõi, bám sát các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng và các Sở, Ban, Ngành của UBND TP Hà Nội để được triển khai; có quyết định thu hồi đất cho dự án.

- Kế hoạch đầu tư năm 2011 của 2 dự án là: 20 tỷ.

9. Các dự án khác: Tiếp tục triển khai theo tiến độ đầu tư.

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ngoài việc phát huy và giữ vững ngành nghề truyền thống, Công ty đang tiếp tục mở rộng đầu tư dài hạn vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, đầu tư tài chính vào các Công ty khác, các dự án kinh doanh đô thị, bất động sản, dự án khai thác khoáng sản tự nhiên đồng thời không ngừng mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước cũng như sự phát triển bền vững của Công ty.

Với tinh thần phát huy không ngừng những thành tựu đó đạt được, Công ty đang

tiến tới xây dựng trở thành một công ty vững mạnh trong Tập đoàn Sông Đà, đa ngành nghề và đa lĩnh vực. Cụ thể:

- ✓ Phân đấu trở thành nhà thầu xây lắp lớn, có thể đảm nhận hình thức tổng thầu xây lắp đối với những công trình có quy mô tương đối lớn;
- ✓ Trở thành nhà đầu tư thủy điện lớn, đầu tư xây dựng vận hành và kinh doanh các nhà máy thủy điện trên toàn quốc do Công ty làm chủ đầu tư;
- ✓ Đầu tư khu công nghiệp và đô thị, kinh doanh hạ tầng và nhà ở;
- ✓ Giữ vững và phát huy mở rộng ngành nghề SXVL vừa để phục vụ xây lắp vừa để kinh doanh trên thị trường;
- ✓ Tham gia vào ngành nghề khai thác mỏ.
- ✓ Tham gia vào các ngành nghề sản xuất vật liệu mới.

Với mục tiêu như vậy, Công ty hướng tới tỷ trọng ngành nghề trong năm 2015 như sau:

- ✓ Tỷ trọng giá trị kinh doanh xây lắp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 42% trong tổng giá trị SXKD (*tỷ giảm 18% so với năm 2010*);
- ✓ Tỷ trọng giá trị kinh doanh hạ tầng, điện thương phẩm, SXVL và kinh doanh khác chiếm 58% (*tăng 18% so với năm 2010*).

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010.

Từ khi chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế của Công ty cổ phần. Công ty đã khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững. Đội ngũ CBCNV đã từng bước được sắp xếp lại, ổn định. Trình độ về quản lý cũng như tay nghề của CBCNV không ngừng nâng cao đáp ứng sự đòi hỏi khốc liệt và ngày một khát khe của thị trường.

Năm 2010 Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành một số chỉ tiêu chủ yếu song do các yếu tố về lạm phát, biến động trên thị trường tiền tệ làm cho lãi suất tăng cao khiến khoản chi phí tài chính tăng, mặt khác, do sự sụt giảm của thị trường chứng khoán nên quý 4 công ty đã phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư CK của công ty đang đầu tư dẫn tới không đạt mục tiêu LN theo chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Thu nhập bình quân của CBCNV tăng, chất lượng cuộc sống của CBCNV trong Công ty không ngừng được nâng cao.

II.1- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2010 (BC Công ty mẹ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2010	TH 2010	TỶ LỆ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	656.121.000	865.584.353	132%
2	Doanh thu	10 ³ đ	635.643.000	828.303.238	130%
3	Lợi nhuận	10 ³ đ	50.100.000	36.270.596	72%

4	Nộp ngân sách	10 ³ đ	37.870.510	12.669.131	33%
5	Thu nhập b/q CBCNV	10 ³ đ	5.398	6.591	122%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	16%	16%	Dự kiến

II.2 - MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2010	TH 2010	TỶ LỆ HTKH
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	960.800.000	942.576.180	98%
2	Nợ phải thu	10 ³ đ	87.580.339	69.464.450	79%
3	Nợ phải trả	10 ³ đ	86.750.000	192.266.540	222%
4	Vay ngắn hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	200.000.000	363.760.678	182%
5	Vay dài hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	37.537.000	26.275.250	71%
6	Nguồn vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	372.027.890	312.037.306	84%
7	Vốn điều lệ	10 ³ đ	90.000.000	90.000.000	100%
8	Các quỹ	10 ³ đ	29.199.320	29.199.320	100%
9	Thặng dư vốn	10 ³ đ	192.828.570	192.828.570	100%
10	Lợi nhuận chưa chia	10 ³ đ	50.100.000	35.760.376	71.38%
11	Tỷ lệ LN/VCSH	%	13.47	11.46	85.1%
12	Tỷ lệ LN/Doanh thu	%	7.88	4.32	54.78%
13	Thu nhập/1 cổ phiếu theo mệnh giá (EPS)	đ/cp		3.973	
14	Giá TT/Thu nhập (PE) tại ngày (31/12/2010)	lần		8,6	

Năm 2010 cùng với việc nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, lạm phát gia tăng, biến động của thị trường tiền tệ làm cho lãi suất vay tăng cao đến cuối năm 2010 cao gấp 150% đầu năm nên dẫn đến chi phí tài chính tăng ảnh hưởng tới lợi nhuận tài chính. Tháng 4/2010 Cần trục MD900B đã gần hết khấu hao của Công ty CP Sông Đà 7 đã bị sập đổ tại Thủy điện Sơn La nên Công ty đã phải mua sắm thiết bị mới để thi công dẫn đến làm tăng chi phí và đầu tư công trình bị giảm do bị chủ đầu tư tính toán lại theo thiết bị mua sắm mới (có nguyên giá nhỏ hơn). Đến cuối năm 2010 do sự sụt giảm của thị trường chứng khoán dẫn đến một số khoản đầu tư của Công ty bị sụt giảm nên Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các khoản đầu tư này. Công trình thủy điện Sơn La bước vào giai đoạn cuối làm tăng chi phí sản xuất khiến giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu làm giảm mức lợi nhuận so với kế hoạch đề ra. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu không mệt mỏi của tập thể CBCNV trong Công ty.

Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

II.3-NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

1- Về đầu tư:

- Chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Tây Giang Cao Bằng giá trị 8.8 tỷ đồng
- Chuyển nhượng vốn góp vào công ty CP tư vấn kỹ thuật xây dựng với giá trị 400 triệu đồng.
- Chuyển nhượng cổ phần Công ty CP năng lượng Someco 1 giá trị 1.46 tỷ đồng.
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Tiên Thành - Cao Bằng
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm He - Điện Biên
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Yatansen – Lâm Đồng.
- Tiếp tục góp vốn vào Công ty CP khoáng sản Đông Bắc.
- Nhận chuyển nhượng 51.4% vốn điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 8 từ cổ đông Tập đoàn Sông Đà và trở thành Công ty mẹ của Công ty CP Sông Đà 8.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Sông Đà 705 với vốn điều lệ 15 tỷ đồng do Công ty CP Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
- Thành lập Công ty TNHH MTV Sông Đà 707 với vốn điều lệ 15 tỷ đồng do Công ty CP Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.

2- Về chiến lược kinh doanh:

- Phát huy ngành nghề truyền thống của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Mở rộng và phát triển ngành nghề mới là: Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các Nhà máy Thủy điện vừa & nhỏ, đầu tư tài chính vào các Công ty khác, đầu tư vào các dự án đô thị, các dự án khai thác quặng từ thiên nhiên, đầu tư vào các dự án phát triển vật liệu mới.
- Đa dạng hoá sản phẩm, giữ vững và phát huy thương hiệu Sông Đà 7 trên thị trường.

3- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

a- Thị trường:

- *Về xây lắp:* Các công trình trọng điểm của Nhà nước và các địa bàn các tỉnh phía Bắc.
- *Về Thủy điện:* Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện tại khu vực Tây nguyên, Tây Bắc và Đông Bắc từ đó tạo tiền đề để vươn ra các nước láng giềng trong khu vực.
- *Về đầu tư tài chính, bất động sản:* Nghiên cứu kỹ thị trường bất động sản để tập trung đầu tư vào một số dự án bất động sản tại Hà Nội nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

4- Mục tiêu:

- Đến năm 2012 Công ty quản lý và vận hành ít nhất là 04 nhà máy Thủy điện có công suất từ vừa và nhỏ.
- Doanh thu hàng năm tăng từ 5 - 10%.
- Thu nhập bình quân của CBCNV tăng 10 - 15%/ năm.
- Cổ tức hàng năm ổn định mức từ 15- 18%.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

III.1 Báo cáo tài chính:

1. Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
1.	Tỷ suất sinh lời			
1.1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6.8	4.74
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6.5	4.67
1.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4.1	3.85
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3.9	3.8
1.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	38.75	38.75
2.	Khả năng thanh toán	Lần		
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1.6	1.59
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.82	0.77
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.51	0.22
3.	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
3.1	Bố trí cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	49	59.4
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51	40.6
3.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62	63.1
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	78	36.9

2. Những biến động và thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến những biến động:

Đề phù hợp với xu hướng phát triển kinh doanh. Năm 2010 Công ty cổ phần Sông Đà 7 có một số sự thay đổi về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự như sau:

2.1 Về tổ chức sản xuất:

- Công ty đã giải thể 5 xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc là: Chi nhánh Hà Nội, Xí nghiệp Sông Đà 705, Xí nghiệp Sông Đà 706, Xí nghiệp Sông Đà 707, Xí nghiệp cơ khí và thành lập 02 Công ty con là:

+ Thành lập Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 705 do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% điều lệ và chuyển giao toàn bộ tài sản, con người từ xí nghiệp Sông Đà 7.05, Xí nghiệp Sông Đà 7.06.

+ Thành lập Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 707 do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% điều lệ và chuyển giao toàn bộ tài sản, con người từ xí nghiệp Sông Đà 7.07, Xí nghiệp cơ khí.

+ Nhận chuyển nhượng 51.4% vốn điều lệ của Công ty CP) Sông Đà 8 từ cổ đông Tập đoàn Sông Đà và trở thành Công ty Mẹ của Công ty CP Sông Đà 8.

2.2 Về tổ chức nhân sự:

- Ông Nguyễn Sỹ Cát thôi làm đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Sông Đà, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7 để tập trung hoàn thành nhiệm vụ phó Tổng giám đốc Tập đoàn Sông Đà

- Ông Nguyễn Thông Hoa - UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc được bầu làm CT Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 thay ông Nguyễn Sỹ Cát.

- Ông Nguyễn Hồng Trường Kế toán trưởng Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Việt Trưởng phòng KTKH Công ty được bầu làm thành viên Ban kiểm soát thay thế Ông Phạm Đình Hùng có đơn vị từ nhiệm.

- Ông Phạm Văn Hưng - Phó Tổng giám đốc điều hành được bổ nhiệm kiêm giữ chức Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV SôngĐà 705.

- Miễn nhiệm Ông Nguyễn Mạnh Thắng Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7 để tập trung hoàn thành nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7.

- Bổ nhiệm Ông Đỗ Viết Chuyên Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7 phụ trách đầu tư.

- Bổ nhiệm Ông Trịnh Quang Thạnh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 phụ trách kỹ thuật thi công.

- Ông Nguyễn Tiến Hải thôi giữ chức vụ Trưởng phòng quản lý cơ giới.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Sấn giữ chức vụ Trưởng phòng Quản lý cơ giới.

Giá trị tổng tài sản theo sổ sách trên bảng cân đối tại thời điểm 31/12/2010 là: 941.833.257.272 đồng.

3. Những thay đổi về vốn cổ đông:

4. Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu.

5. Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Công ty không phát hành trái phiếu.

6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu

7. Cổ tức năm 2010: Dự kiến 14.400.000.000 đồng (Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt là 16%).

III.2 Báo cáo kết quả kinh doanh: (ĐVT: 1.000 đồng).

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Tỷ lệ hoàn thàn h	Kế hoạch năm 2011
1	Tổng GTSX	615.754.572	656.000.000	865.584.353	132%	677.000.000
2	Tổng doanh thu	534.672.236	635.000.000	828.165.723	130%	605.500.000
3	Lợi nhuận	36.094.052	50.100.000	36.270.596	72%	38.100.000
4	Thu nhập CBCNV	4.800	5.398	6.591	122%	6.700

III.3 Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý và biện pháp kiểm soát:

a. Về cơ cấu tổ chức: Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Sông Đà 7, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thông Hoa: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Tiến: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành.
- Ông Ninh Duy Phóng: Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Quang Dương: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn.
- Ông Nguyễn Hồng Trường: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty.

b. Chính sách, quản lý và kiểm soát:

Trong năm 2010. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do thị trường luôn thay đổi. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty nên Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành đa số các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời bố trí, sắp xếp kiện toàn lại bộ máy cụ thể như sau:

- Công ty đã bố trí sắp xếp lại tổ chức sản xuất từ phòng ban đến các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.
- Bổ sung, thay đổi các quy chế quy định trong từng lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa tính tự chủ, chủ động, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giảm chi phí để nâng cao cổ tức cho cổ đông.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ quản lý, tay nghề đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Công ty, đặc biệt quan tâm đến các dự án thủy điện.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán *(Có báo cáo đã được kiểm toán kèm theo).*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (sau đây gọi tắt là ‘Công ty’) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 7, tên giao dịch quốc tế Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 224.03.000081 lần đầu ngày 29/12/2005 và thay đổi lần thứ tám ngày 21/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, số đăng ký thay đổi là 5400105091.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng, được chia thành 9.000.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng các công trình thông tin, bucu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng,
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

Công ty có các công ty con sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty CP Thủy điện Nậm Thi - Sông Đà 7	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
2	Công ty CP Sông Đà 7.04	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
3	Công ty CP Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	Tầng 4, TTTM Machicol, Km 9 +500 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4	Công ty CP Thủy điện Cao nguyên – Sông Đà 7	Xã ĐungKnớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
5	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.09 (chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Năng lượng Cao Bằng)	Xã Lương Thiện, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
6	Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	Xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
7	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
8	Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	Khu công nghiệp An Khánh, Hà Nội
9	Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Xã Nậm Hàng, H. Mường Tè, tỉnh Lai Châu
10	Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Nguyễn Thông Hoa	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên
Ông :	Vũ Quang Dưỡng	Ủy viên
Ông :	Nguyễn Hồng Trường	Ủy viên
Ông :	Ninh Duy Phóng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Nguyễn Khắc Tiến	Tổng Giám đốc
Ông :	Vũ Quang Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trịnh Quang Thạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2011

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KHẮC TIẾN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		382.123.896.515	452.528.133.470
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	76.520.967.993	11.559.540.582
111	1. Tiền		46.520.967.993	6.559.540.582
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	33.433.234.607	7.580.463.487
121	1. Đầu tư ngắn hạn		35.937.351.600	7.727.662.980
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.504.116.993)	(147.199.493)
130	III. Các khoản phải thu		268.028.311.632	255.150.661.761
131	1. Phải thu của khách hàng		69.464.449.745	64.488.129.606
132	2. Trả trước cho người bán		21.649.039.000	131.140.740.802
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	176.914.822.887	59.521.791.353
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	-	167.191.209.738
141	1. Hàng tồn kho		-	167.191.209.738
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.141.382.283	11.046.257.902
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		72.791.711	285.288.328
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		62.881.015	952.529.563
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	4.005.709.557	9.808.440.011
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		559.709.360.757	431.368.771.194
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		62.704.260.291	69.118.444.077
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	31.396.326.589	54.221.484.221
222	- Nguyên giá		52.105.229.733	132.039.235.126
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.708.903.144)	(77.817.750.905)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	31.307.933.702	14.896.959.856
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		496.390.571.732	358.689.317.254
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.8	450.629.861.732	276.249.618.634
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.9	-	400.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.10	55.400.000.000	82.039.698.620
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.11	(9.639.290.000)	
260	V. Tài sản dài hạn khác		614.528.734	3.561.009.863
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	614.528.734	3.561.009.863
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		941.833.257.272	883.896.904.664

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NGUỒN VỐN				
300	A . Nợ phải trả (300 =310+330)		594.035.576.643	550.621.737.913
310	I. Nợ ngắn hạn		453.588.783.511	514.443.000.067
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.13	363.760.678.244	123.474.398.836
312	2. Phải trả cho người bán		9.898.624.888	86.361.584.985
313	3. Người mua trả tiền trước		37.889.423.721	130.586.643.660
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	2.400.905.004	14.904.460.118
315	5. Phải trả người lao động		2.365.911.508	14.759.858.608
316	6. Chi phí phải trả	V.15	4.384.450.513	28.765.212.203
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.16	31.494.761.366	114.948.186.971
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.394.028.267	642.654.686
330	II. Nợ dài hạn		140.446.793.132	36.178.737.846
331	1. Phải trả dài hạn người bán		10.000.000.000	
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.17	101.717.820.243	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.18	26.675.250.000	34.487.875.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.053.722.889	1.690.862.846
400	B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		347.797.680.629	333.275.166.751
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.19	347.797.680.629	333.275.166.751
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		192.837.986.540	192.828.570.000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(2.170.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		25.175.719.026	13.186.181.974
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.023.599.153	2.389.026.186
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.760.375.910	34.873.558.591
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		941.833.257.272	883.896.904.664

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	766.308.306.517	514.517.505.875
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.22	957.655.095	2.310.342.794
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	765.350.651.422	512.207.163.081
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.24	712.195.918.857	449.022.261.574
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.154.732.565	63.184.901.507
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	45.531.648.241	14.158.018.270
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	45.724.595.619	7.619.680.839
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		33.728.388.119	12.000.256.396
24	8. Chi phí bán hàng		-	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.216.286.144	33.744.228.167
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.745.499.043	35.979.010.771
31	11. Thu nhập khác	VI.27	17.420.938.792	8.307.055.328
32	12. Chi phí khác	VI.28	2.895.841.463	7.665.263.411
40	13. Lợi nhuận khác		14.525.097.329	641.791.917
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.270.596.372	36.620.802.688
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.29	510.220.462	1.747.244.097
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>35.760.375.910</u>	<u>34.873.558.591</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		740.410.773.492	553.252.707.279
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(659.621.985.675)	(376.805.256.241)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(33.214.803.347)	(61.807.177.105)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(34.449.825.067)	(6.939.448.179)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		148.516.747.400	26.937.450.682
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161.395.932.137)	(38.596.133.909)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		244.974.666	96.042.142.527
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(10.855.343.917)	(53.181.338.068)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		12.145.498.170	4.519.380.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105.158.113.351)	(110.353.140.540)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		58.987.733.292	118.200.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(154.080.243.098)	(191.013.455.870)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.860.000.000	7.611.746.060
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		45.531.648.241	14.158.018.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(151.568.820.663)	(210.058.790.148)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		11.619.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		468.447.913.904	213.215.704.718
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(235.974.259.496)	(81.708.480.699)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.200.000.000)	(14.404.452.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		216.285.273.408	117.102.771.219
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		64.961.427.411	3.086.123.598
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.559.540.582	8.473.416.984
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		76.520.967.993	11.559.540.582

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7, tên giao dịch quốc tế Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 224.03.000081 lần đầu ngày 29/12/2005 và thay đổi lần thứ tám ngày 21/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, số đăng ký thay đổi là 5400105091.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng, được chia thành 9.000.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Công ty có các công ty con sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty CP Thủy điện Nậm Thi - Sông Đà 7	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
2	Công ty CP Sông Đà 7.04	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
3	Công ty CP Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	Tầng 4, TTTM Machincol, Km 9 +500 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4	Công ty CP Thủy điện Cao nguyên – Sông Đà 7	Xã ĐungKnở, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
5	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.09 (chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Năng lượng Cao Bằng)	Xã Lương Thiện, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng
6	Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	Xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
7	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
8	Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	Khu công nghiệp An Khánh, Hà Nội
9	Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Xã Nậm Hàng, H.Mường Tè, tỉnh Lai Châu
10	Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng các công trình thông tin, buro điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;

- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng,
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến BCTC

Công ty đã giải thể 4 xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp Sông Đà 7.05, Xí nghiệp Sông Đà 7.06, Xí nghiệp Sông Đà 7.07, Xí nghiệp Cơ khí và thành lập 2 Công ty con là:

- Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 705 do Công ty sở hữu 100% vốn và nhận bàn giao một phần tài sản từ Xí nghiệp Sông Đà 7.05, Xí nghiệp Sông Đà 7.06.
- Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 707 do Công ty sở hữu 100% vốn và nhận bàn giao một phần tài sản từ Xí nghiệp Sông Đà 7.07, Xí nghiệp Cơ khí.
- Năm 2010, Công ty hoàn thành việc mua chuyển nhượng toàn bộ 51,38% vốn của Công ty mẹ Tập đoàn Sông Đà trong Công ty Cổ phần Sông Đà 8 và trở thành công ty mẹ của Công ty Sông Đà 8.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mụ lũy kế và giá trị cịn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 7, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo bộ phận được trình bày kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.352.196.353	3.678.852.441
Tiền gửi ngân hàng	45.168.771.640	2.880.688.141
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	76.520.967.993	11.559.540.582

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010	31/12/2010	01/01/2010
	Số lượng	Số lượng	VND	VND
CP CTCP Cơ khí lắp máy Sông Đà (1),(3)	178.325	101.900	3.687.265.268	2.923.015.268
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 6 (1),(3)	161.666	97.000	4.992.534.225	4.345.874.225
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 10 (3)	14.500	14.500	458.773.487	458.773.487
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 2 (2)	179.770	-	1.798.778.620	-
Công ty Cổ phần PV Inconess (2)	2.500.000	-	25.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (4)			(2.504.116.993)	(147.199.493)
Cộng			33.433.234.607	7.580.463.487

- (1) Mua cổ phiếu trong kỳ
 (2) Chuyển từ đầu tư dài hạn sang ngắn hạn để bán
 (3) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung

(4) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu CTCP Cơ khí lắp máy Sông Đà	178.325	3.687.265.268	2.942.362.500	(744.902.768)
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 6	161.666	4.992.534.225	3.233.320.000	(1.759.214.225)
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 10	14.500	458.773.487	687.300.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 2	179.770	1.798.778.620	3.541.469.000	-
Cộng		10.937.351.600	10.404.451.500	(2.504.116.993)

3 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động tiền mua cổ phần các công ty khác	4.941.723.497	4.941.723.497
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty CP Thủy Điện Nậm Thi - SĐ 7		23.273.539.421
Tiền ứng vật tư (thu hộ BĐH Thủy điện Sơn La)		11.215.423.000
Phải thu tiền vay vốn SXKD Công ty TNHH Một Thành viên Sông Đà 7.01		12.267.409.371
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty CP Sông Đà 8	43.760.290.948	7.500.000.000
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	15.556.354.749	
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	61.147.196.461	
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	23.084.781.416	
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	13.565.184.367	
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	50.850.000	
Phải thu tiền vay vốn SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	749.490.427	
Phải thu Trần Thị Tuyết tiền chuyển nhượng cổ phần	7.810.000.000	
Phải thu Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.187.200.000	
Phải thu khác	61.751.022	323.696.064
Cộng	<u>176.914.822.887</u>	<u>59.521.791.353</u>

4 . Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	10.793.866.617
Công cụ, dụng cụ	-	538.402.851
Chi phí SXKD dở dang (*)	-	154.014.120.134
Thành phẩm	-	1.693.799.286
Hàng gửi đi bán	-	151.020.850
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>167.191.209.738</u>

5 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	757.173
Tạm ứng	3.999.709.557	9.101.682.838
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	706.000.000
Cộng	<u>4.005.709.557</u>	<u>9.808.440.011</u>

6 . Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: đồng

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ		109.895.897.471	20.763.807.152	1.379.530.503	132.039.235.126
Tăng trong kỳ	-	622.542.858	-	342.122.337	964.665.195
- Mua sắm		622.542.858		342.122.337	964.665.195
Giảm trong kỳ	-	63.699.552.308	16.255.700.044	943.418.236	80.898.670.588
- Thanh lý, nhượng bán		22.538.284.924	15.797.442.806	408.741.520	38.744.469.250
- Giảm khác		41.161.267.384	458.257.238	534.676.716	42.154.201.338
Số cuối năm	-	46.818.888.021	4.508.107.108	778.234.604	52.105.229.733
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ		60.096.705.068	17.057.449.903	663.595.934	77.817.750.905
Tăng trong kỳ	-	13.395.652.846	918.484.809	184.940.837	14.499.078.492
- Trích khấu hao TSCĐ		13.395.652.846	918.484.809	184.940.837	14.499.078.492
Giảm trong kỳ	-	54.950.190.141	16.158.037.812	499.698.300	71.607.926.253
- Thanh lý, nhượng bán		22.292.666.397	15.727.926.546	176.804.787	38.197.397.730
- Giảm khác		32.657.523.744	430.111.266	322.893.513	33.410.528.523
Số cuối kỳ	-	18.542.167.773	1.817.896.900	348.838.471	20.708.903.144
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	49.799.192.403	3.706.357.249	715.934.569	54.221.484.221
Số cuối kỳ	-	28.276.720.248	2.690.210.208	429.396.133	31.396.326.589

7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2010
VND

01/01/2010
VND

Xây dựng cơ bản dở dang	17.152.883.702	14.645.139.010
<i>Trong đó các công trình lớn</i>		
Khu nhà vườn sinh thái Đồng Quang	10.042.459.231	8.697.441.402
Khu Đô thị Đồng Quang	7.110.424.471	5.947.697.608
Mua sắm tài sản (tầng 7 Tòa nhà HH4)	14.155.050.000	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	251.820.846
Cộng	31.307.933.702	14.896.959.856

8 . Đầu tư vào công ty con	31/12/2010	01/01/2010	31/12/2010	01/01/2010
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP Thủy điện Nậm Thi - Sông Đà 7 (1)	3.354.676	1.014.000	33.429.755.000	10.140.000.000
Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà (1)	4.508.632	2.308.732	45.086.318.975	23.087.318.975
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 (1)	3.120.000	2.400.000	36.960.000.000	24.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7	6.120.000	6.120.000	61.200.000.000	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 8 (2)	1.438.700	-	29.493.350.000	-
Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7 (chuyển đổi từ CTCP Năng Lượng Điện Biên)			41.618.356.680	22.087.766.932
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709 (đổi tên từ Công ty CP Năng Lượng Cao Bằng)			55.392.081.077	29.044.532.727
Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn			88.650.000.000	77.890.000.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 7.01			28.800.000.000	28.800.000.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 705			15.000.000.000	-
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 707			15.000.000.000	-
Cộng			450.629.861.732	276.249.618.634

(1) Công ty con huy động thêm vốn

(2) Mua chuyển nhượng khoản đầu tư từ Công ty mẹ Tập đoàn Sông Đà

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 30/06/2010

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thủy điện Nậm Thi - Sông Đà 7	66,20%	66,20%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	54,00%	76,00%	Thủy điện
Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	100,00%	100,00%	Thủy điện
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	100,00%	100,00%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	52,00%	60,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7	51,63%	51,63%	Xây lắp và kinh doanh BĐS
Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn	98,50%	98,50%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 7.01	100,00%	100,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 705	100,00%	100,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 707	100,00%	100,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	51,40%	51,40%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp

9 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	31/12/2010	01/01/2010	31/12/2010	01/01/2010
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật Xây dựng (1)		40.000	-	400.000.000
Cộng			-	400.000.000

(1) Bán khoản đầu tư trong kỳ

10 . Đầu tư dài hạn khác	31/12/2010	01/01/2010	31/12/2010	01/01/2010
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (1)		107.862	-	1.079.698.620
Công ty CP Thủy điện Sừ Pán (3)	3.000.000	2.650.000	30.000.000.000	26.500.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim VN	770.000	770.000	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	30.000	30.000	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Hóa chất -Muối mỏ Việt Lào			300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thủy điện Nho Quế 1	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty CP Đầu tư PV -INCONESS (1)			-	25.000.000.000
Công ty CP Năng lượng Someco 1 (2)		146.000	-	1.460.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (đang góp vốn)			1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty CP Khoáng sản Tây Giang Cao Bằng (2)		400.000	-	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Bắc (3)	1.120.000	500.000	11.200.000.000	5.000.000.000
Cộng			55.400.000.000	82.039.698.620

(1) Chuyển sang ngắn hạn để bán
(2) Chuyển nhượng cổ phần trong kỳ
(3) Góp thêm vốn

11 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(9.639.290.000)	-
Cộng	(9.639.290.000)	-

Chi tiết dự phòng tại ngày 31/12/2010

Tên chứng khoán	Số lượng Cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	1.438.700	29.493.350.000	19.854.060.000	(9.639.290.000)

12 . Chi phí trả trước dài hạn	01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng	2.752.801.007	314.528.734	2.752.801.007	314.528.734
Giá trị thương hiệu Sông Đà	375.000.000		75.000.000	300.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	124.501.364		124.501.364	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	308.707.492		308.707.492	-
Cộng	3.561.009.863	314.528.734	3.261.009.863	614.528.734

13 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	353.698.053.244	115.161.773.836
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	10.062.625.000	8.312.625.000

Cộng

(*) Thông tin bổ sung

Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam -CN Sơn La	số 10/0000551	1,25%/tháng	9 tháng	132.520.615.162	Thế chấp
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Tây Hà Nội	số 01-2010/SD7-TĐSL	1,29%/tháng	9 tháng	182.113.251.519	Thế chấp
NHTMCP An Bình -CN Sơn La	số 246/10/TD/XII	1,29%/tháng	6 tháng	39.064.186.563	Thế chấp
Cộng				<u>353.698.053.244</u>	

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	12.816.137.056
Thuế TNDN	2.257.464.559	1.747.244.097
Thuế thu nhập cá nhân	143.440.445	82.479.931
Thuế tài nguyên	-	228.981.977
Các khoản phí, lệ phí	-	29.617.057
Cộng	<u>2.400.905.004</u>	<u>14.904.460.118</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí phải trả về giá trị xây lắp	284.450.513	23.624.184.764
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	321.355.664
Chi phí phải trả khác	4.100.000.000	4.819.671.775
Cộng	<u>4.384.450.513</u>	<u>28.765.212.203</u>

16 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	1.725.680.319	1.642.867.046
Bảo hiểm xã hội	-	748.440.015
Bảo hiểm y tế	-	71.000.634
Bảo hiểm thất nghiệp	-	43.947.612
Cổ tức năm 2006 phải trả	113.918.660	113.918.660
Các khoản phải trả trả Tổng công ty Sông Đà	1.917.673.773	1.137.814.650
Phải trả thu hộ tiền góp vốn mua cổ phần	-	59.411.820.243
Phải trả Công ty CP Sông Đà 7.04	7.717.337.614	41.217.274.592
Phải trả Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	8.930.480.311	-
Phải trả Công ty CP Thủy điện Nậm Thi -Sông Đà 7	7.255.063.694	-
Phải trả về thương hiệu Sông Đà	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Someco Sông Đà	1.040.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	794.606.995	8.561.103.519
Cộng	<u>31.494.761.366</u>	<u>114.948.186.971</u>

17 . Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu của các cá nhân	61.717.820.243	-
Phải trả Công ty CP Sông Đà 7.04	40.000.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	-	-
Cộng	<u>101.717.820.243</u>	<u>-</u>

18 . Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn (*)	26.675.250.000	34.487.875.000
Cộng	<u>26.675.250.000</u>	<u>34.487.875.000</u>

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam -CN Sơn La	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	750.000.000	400.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Tây Hà Nội	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	23.737.875.000	7.912.625.000	Đảm bảo bằng tài sản
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Sông Nhuệ	Thả nổi có điều chỉnh	96 tháng	12.250.000.000	1.750.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Cộng			<u>36.737.875.000</u>	<u>10.062.625.000</u>	

19. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	90.000.000.000	192.828.570.000	(2.170.000)	13.186.181.974	2.389.026.186	34.873.558.591	333.275.166.751
2. Tăng trong kỳ này	-	9.416.540	-	11.989.537.052	1.634.572.967	35.760.375.910	49.393.902.469
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	35.760.375.910	35.760.375.910
Tăng do phân phối LN	-	-	-	11.989.537.052	1.634.572.967	-	13.624.110.019
Tăng khác trong kỳ	-	9.416.540	-	-	-	-	9.416.540
3. Giảm trong kỳ này	-	-	(2.170.000)	-	-	34.873.558.591	34.871.388.591
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	34.873.558.591	34.873.558.591
Giảm khác trong kỳ	-	-	(2.170.000)	-	-	-	(2.170.000)
4. Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	192.837.986.540	-	25.175.719.026	4.023.599.153	35.760.375.910	347.797.680.629

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn Sông Đà	27.248.000.000	27.248.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	62.752.000.000	62.752.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ:

- 217

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng tiền	-	14.400.000.000
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	16.200.000.000	

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	9.000.000	9.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	8.999.783
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>8.999.783</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	217
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	<i>217</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	34.873.558.591	28.078.520.506
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	35.760.375.910	34.873.558.591
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2008	-	(8.609.032.055)
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2008	-	(1.269.302.348)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2008	-	(3.300.186.103)
Quỹ Thường ban điều hành từ lợi nhuận năm 2008	-	(500.000.000)
Trả cổ tức năm 2008 bằng tiền	-	(14.400.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009	(4.549.448.572)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2009	(11.989.537.052)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2009	(1.634.572.967)	-
Quỹ Thường ban điều hành từ lợi nhuận năm 2009	(500.000.000)	-
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền	(16.200.000.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	35.760.375.910	34.873.558.591

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

21 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	659.492.908.940	347.684.535.177
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	873.876.040	18.265.444.402
Doanh thu khác bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	105.941.521.537	148.567.526.296
Cộng	766.308.306.517	514.517.505.875

22 . Các khoản giảm trừ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	957.655.095	2.310.342.794
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	957.655.095	2.310.342.794

23 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	658.535.253.845	345.374.192.383
Doanh thu thuần hoạt động sản xuất công nghiệp	873.876.040	18.265.444.402
Doanh thu thuần khác bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	105.941.521.537	148.567.526.296
Cộng	765.350.651.422	512.207.163.081

24 . Giá vốn hàng bán	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	627.967.582.618	307.015.525.376
Giá vốn của hoạt động sản xuất công nghiệp	1.161.235.131	14.305.734.782
Giá vốn khác	83.067.101.108	127.701.001.416
Cộng	712.195.918.857	449.022.261.574

25 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.212.880.090	6.227.932.976
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.066.187.133	7.810.833.799
Doanh thu hoạt động tài chính khác	252.581.018	119.251.495
Cộng	45.531.648.241	14.158.018.270

26 . Chi phí tài chính	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	33.728.388.119	12.000.256.396
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.996.207.500	96.340.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(4.487.451.952)
Chi phí tài chính khác	-	10.536.395
Cộng	45.724.595.619	7.619.680.839

27 . Thu nhập khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán tài sản	11.231.361.973	4.304.100.000
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm do tổn thất tài sản	6.187.200.000	-
Thu nhập từ khai thác quyền sử dụng nhãn hiệu	-	4.000.000.000
Thu nhập khác	2.376.819	2.955.328
Cộng	17.420.938.792	8.307.055.328

28 . Chi phí khác	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	826.488.920	3.537.223.615
Giá trị còn lại của tài sản tổn thất được bảo hiểm	2.069.346.552	-
Chi phí sử dụng nhãn hiệu	-	4.000.000.000
Chi phí khác	5.991	128.039.796
Cộng	2.895.841.463	7.665.263.411

29 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	36.270.596.372	36.620.802.688
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi (*)	10.204.409.239	21.820.992.501
Cổ tức, lợi nhuận được chia đã nộp thuế TNDN	26.066.187.133	7.810.833.799
Thu nhập khác không được ưu đãi (lãi tiền gửi, lãi từ thanh lý tài sản)		6.988.976.388
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.204.409.239	6.988.976.388
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	510.220.462	1.747.244.097

(*) Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty đã thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2006.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

30 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Góp vốn bằng tài sản thành lập Công ty TNHH 1TV Sông Đà 705 và Công ty TNHH 1TV Sông Đà 707. Vốn chủ sở hữu tại mỗi công ty là 15.000.000.000 đồng.

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Công ty CP Sông Đà 8	Công ty con	Khối lượng xây lắp Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động Phụ phí Công trình Nậm Chiến	95.624.845.149 20.770.380.059 2.365.924.965 1.164.219.235
Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	Công ty con	Khối lượng xây lắp Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động	1.104.017.936 12.200.000.000 668.306.809
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Công ty con	Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động Cổ tức nhận được	35.659.396.861 4.674.627.768 11.066.624.401
Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	Công ty con	Khối lượng xây lắp Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động Cổ tức nhận được	328.662.068.020 11.903.307.431 3.363.701.572 7.835.249.603
Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	Công ty con	Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động	12.500.000.000 448.402.113
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty con	Khác	50.850.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	Công ty con	Cho vay vốn lưu động	700.000.000
Công ty CP Sông Đà 7.04	Công ty con	Cổ tức nhận được	4.320.000.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Công ty con	Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động Cổ tức nhận được	6.871.000.000 422.859.626 1.274.028.129
Công ty CP Thủy điện Nậm Thi -Sông Đà 7	Công ty con	Khối lượng xây lắp Cho vay vốn lưu động Thu lãi vay ứng vốn lưu động Cổ tức nhận được	26.821.150.218 4.554.029.000 58.558.702 1.025.700.000

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư phải thu, phải trả
Công ty CP Sông Đà 8	Công ty con	Ứng vốn lưu động	43.760.290.948
Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	Công ty con	Ứng vốn lưu động	15.556.354.749
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Công ty con	Ứng vốn lưu động	61.147.196.461
Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	Công ty con	Ứng vốn lưu động	23.084.781.416
Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7	Công ty con	Ứng vốn lưu động	13.565.184.367
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty con	Khác	50.850.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	Công ty con	Ứng vốn lưu động	749.490.427
Công ty CP Sông Đà 7.04	Công ty con	Tiền khối lượng thanh toán qua BDH	(47.717.337.614)
Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Công ty con	Tiền khối lượng	(8.930.480.311)
Công ty CP Thủy điện Nậm Thi -Sông Đà 7	Công ty con	Tiền khối lượng	(7.255.063.694)

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

IX. THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

X. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) và đã được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2011
Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN(CÓ BÁO CÁO KIỂM TOÁN KÈM THEO).

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Số : /2011/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN *Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 20 tháng 1 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển

tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ ĐỨC ĐOÀN

Chứng chỉ KTV số : Đ.0052/KTV

NGUYỄN QUANG HUY

Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

2. Kiểm toán nội bộ: Công ty không có kiểm toán nội bộ.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

A, Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, công ty

- 1. Công ty cổ phần TĐ Nậm Thi Sông Đà 7:** Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 33.600.000.000 đồng nắm giữ 56% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2010 Công ty CP Sông Đà 7 đã góp: 33.429.755.000.đ
Địa chỉ: Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
Doanh thu năm 2010: 118.699.467.672 đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 4.626.346.133 đồng
- 2. Công ty cổ phần Sông Đà 7.04:** Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 36.960.000.000 đồng nắm giữ 52% vốn điều lệ.
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Doanh thu năm 2010: 502.229.247.478 đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 22.799.653.348 đồng
- 3. Công ty cổ phần đầu tư Đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7:** Vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 61.200.000.000 đồng nắm giữ 51% vốn điều lệ.
Địa chỉ: Tầng 4, Trung tâm thương mại Machinco1, Km9 + 500 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
Doanh thu năm 2010: 94.681.898.315 đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 14.104.146.905 đồng
- 4. Công ty TNHH 1TV Điện Biên Sông Đà 7:** Vốn điều lệ 70.000.000.000 đồng. Công ty cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ (Đang tiến

hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2010 Công ty đã góp được là: 41.618.356.680 đồng).

Địa chỉ: Xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2010 là đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm He

5. **Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7:** Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng: Công ty cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 76% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2010 Công ty đã góp được là: 45.086.318.975. đồng).

Địa chỉ: Xã Đung Knór, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2010 là đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Yantansien

6. **Công ty TNHH 1TV Sông Đà 701:** Vốn điều lệ: 28.800.000.000.đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Doanh thu năm 2010: 91.154.736.136 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 790.913.068 đồng

7. **Công ty TNHH 1TV Sông Đà 705:** Vốn điều lệ: 15.000.000.000. đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.

Địa chỉ: Xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Doanh thu năm 2010: 162.335.406119 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 13.722.827.106 đồng

8. **Công ty TNHH 1TV Sông Đà 707:** Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Doanh thu năm 2010: 383.955.616.755 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 9.033.809.728 đồng

9. **Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn:** Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 98.5% Vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 31/12/2010 Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đã góp 88.650.000.000. đồng.

Địa chỉ: Khu công nghiệp An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2010 là đầu tư dự án Trung tâm thương mại và dịch vụ nhà ở Bắc An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

10. **Công ty Cổ Phần Sông Đà 8:** Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 51.4% Vốn điều lệ.

Địa chỉ: Xã Nậm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Doanh thu năm 2010: 321.524.477.222 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2010: 2.718.670.613 đồng

11. **Công ty TNHH Sông Đà 709:** Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.

Địa chỉ: Xã Lương Thiện, huyện Phúc Hòa, tỉnh Cao Bằng .

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2010 là đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Tiên Thành

Ngoài ra Công ty đang tiến hành góp vốn, đầu tư tài chính vào một số Công ty khác dưới dạng đầu tư liên doanh liên kết, đầu tư khác như Thủy điện Nho Quế; Công ty cổ phần khoáng sản Đông Bắc, Công ty cổ phần sắt Thạch Khê, Công ty TNHH Hoá chất- muối mỏ Việt Lào.....

B. Công ty/tổ chức có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp vào Sông Đà 7: Không

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

VII.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

1- Cơ cấu tổ chức của Công ty từ khi thành lập Công ty cổ phần:

A- Bộ máy điều hành:

a- Ban giám đốc.

b- Các phòng chức năng:

1. Phòng Tổ chức hành chính.
2. Phòng Tài chính kế toán
3. Phòng Kinh tế kế hoạch
4. Phòng Quản lý Kỹ thuật
5. Phòng Quản lý cơ giới
6. Phòng đầu tư.

2- Các thay đổi về tổ chức sản xuất trong năm:

Công ty đã giải thể 5 xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc là: Chi nhánh Hà Nội, Xí nghiệp Sông Đà 705, Xí nghiệp Sông Đà 706, Xí nghiệp Sông Đà 707, Xí nghiệp cơ khí và thành lập 02 Công ty con là:

- Tháng 5/2010 thành lập Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 705 do Công ty CP Sông Đà nắm giữ 100% vốn của công ty và nhận bàn giao toàn bộ tài sản, con người từ xí nghiệp Sông Đà 705, Xí nghiệp Sông Đà 706.

- Tháng 5/2010 thành lập Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 707 do Công ty CP Sông Đà nắm giữ 100% vốn của công ty và nhận bàn giao nhận bàn giao toàn bộ tài sản, con người từ xí nghiệp Sông Đà 707, Xí nghiệp cơ khí.

VII.2 TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1- Nguyễn Khắc Tiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô

* Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm

* Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm

* Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm

* Từ 1997 – 2002 Làm PGĐ XN Sông Đà 705

* Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705

* Từ 2005 đến tháng 4/2007 làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ tháng 4/2007 đến nay làm Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7

2- Vũ Quang Dương

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Nơi sinh: Quỳnh Hưng - Quỳnh Phụ - Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Hưng - Quỳnh Phụ - Thái Bình

Địa chỉ thường trú: P.107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

* Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2

* Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội

* Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công

* Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq

* Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Italy

* Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐ XN, PGĐ Công ty, GĐ Công ty SĐ 4 tại Yaly

* Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BDH DA Thủy điện Tuyên Quang.

* Từ 2004 – 2010 Kỹ sư XD – PTGD Công ty Cổ phần Sông Đà 7, Giám đốc Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7, Giám đốc Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn

3 - Nguyễn Văn Bút

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1958

Nơi sinh: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 26 – P. Tân Thịnh – TP Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

* Từ 1983 – 1984 Làm kỹ thuật

* Từ 1985 – 1986 Làm Phó phòng QLCG Công ty Sông Đà 7

* Từ 1987 – 1989 Làm Phó Quản đốc các phân xưởng S/c bê tông

* Từ 1990 – 1993 Làm PGĐ Xí nghiệp

* Từ 1994 – 2001 Làm PGĐXN sau đó làm Trưởng phòng QLCG

* Từ 2002 làm PGĐ Công ty Sông Đà 7

* Công tác liên tục ở Công ty Sông Đà 7 từ 1983 đến nay

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 701

4- Trịnh Quang Thanh

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31 tháng 12 năm 1956 sinh:

Nơi sinh: Xuân Hồng - Xuân Thủy - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xuân Hồng - Xuân Thủy - Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Hạ đình Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 3830856

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác :

- * Từ 1979 – 1983: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp bê tông nghiên sàng
 - * Từ 1983 – 1995: Phó phòng, Trưởng phòng thi công Công ty Sông Đà 7
 - * Từ 1995 – 2006: Phó Giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - * Từ 2007 – 2009: Phó giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Hoàng Liên
 - * Từ tháng 4/2010 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- Chức vụ công tác hiện nay:** Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7

5- Đỗ Việt Chuyên

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03 tháng 10 năm 1958

Nơi sinh: Thị trấn Cổ Lễ - Huyện Trực Ninh- Tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán Thị trấn Cổ Lễ - Huyện Trực Ninh- Tỉnh Nam Định.

Địa chỉ thường trú: Số 16- lô 4- Hồ Atake - Lũng Yên - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác :

- * Từ 1978 – 1980: Cán bộ xí nghiệp khai thác đá- Công ty cung ứng vật tư Sông Đà
 - * Từ 1980– 1990: Trưởng ca, Xí nghiệp bê tông nghiên sàng – Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà.
 - * Từ 1990 – 1994: Phó Giám đốc Xí nghiệp - Công ty xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn
 - * Từ 1994 – 2007: Giám đốc xí nghiệp, Phó Tổng giám đốc Công ty Sông Đà 8
 - * Từ tháng 12/2009 –T7/2010: Trưởng ban dự án – Trường cao đẳng nghề Sông Đà.
 - * Từ tháng 8/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- Chức vụ công tác hiện nay:** Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7

6- Nguyễn Hồng Trường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/8/1981.

Nơi sinh: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

* Từ 1999 – 2003: Sinh viên Học viện Tài chính.

* Từ tháng 7/2003 - 11/2006: Công tác tại phòng TCKT- Công ty cổ phần Sông Đà 7

* Từ 12/2006 – 7/2007: Làm Phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 8/2007 đến nay: Làm Kế toán trưởng công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 1TV Sông Đà 709; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đô thị và KCN Sông Đà 7.

VII.3- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Các chế độ về lương, thưởng và các quyền lợi khác của các thành viên trong Ban giám đốc được hưởng theo Quy chế nội bộ của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trên nguyên tắc hưởng theo lao động và theo các Quy định chung của Nhà nước và của Tổng công ty. Riêng tiền lương của Tổng giám đốc điều hành được hưởng theo Hợp đồng thuê Tổng giám đốc được ký kết giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc điều hành trên các tiêu chí về kết quả SXKD và đời sống của người lao động.

VII.4 SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1. Số lượng cán bộ công nhân viên đến thời điểm 31/12/2010.

Tổng số CBCNV: 61 người.

Trong đó:

Cán bộ gián tiếp, phục vụ: 61 người.

- Trên đại học: 0 người.
- Đại học : 42 người.
- CN-CD : 3 người.
- Trung cấp : 3 người.
- SC-NV : 3 người.

2. Các chính sách đối với người lao động:

- Công ty đã xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định nội bộ nhằm thu hút cán bộ có trình độ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, trẻ, khoẻ, đồng thời xử lý nghiêm minh các vi phạm về kỷ luật lao động.

- Đảm bảo đầy đủ về chế độ cho người lao động theo Luật định.

- Quan tâm đến đời sống của CBCNV kể cả về vật chất lẫn tinh thần.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

VIII.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1- Nguyễn Thông Hoa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1957

Nơi sinh: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Tây.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tự Nhiên – Thường Tín – Hà Tây.

Địa chỉ thường trú: Phường Phương Lâm – TP. Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1978: Học tại Liên Xô

* Từ 1978 – 1985: Công ty thủy công

* Từ 1985 – 1992: Chủ công trình gian máy

* Từ 1992 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp thủy công

* Từ 1997 – 2000: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp 1

* Từ 2000 – 2002: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 2002 – tháng 7/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 701.

* Từ tháng 7/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 1.048.000.CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị:

*** Thành viên thứ nhất:**

Họ và tên: **NGUYỄN KHẮC TIẾN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Tây

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

- * Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô
- * Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm
- * Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm
- * Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm
- * Từ 1997 – 2002 Làm PGĐ XN Sông Đà 702
- * Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705
- * Từ 2005 đến tháng 4/2007 làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- * Từ tháng 4/2007 đến nay làm Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 - Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 807.486

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : 803.500.CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.986.CP

Số cổ phần của những người có liên quan: không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **VŨ QUANG DƯỠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Nơi sinh: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình

Địa chỉ thường trú: P. 107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- * Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2
- * Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- * Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công
- * Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq
- * Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Ialy
- * Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐXN, PGĐ Công ty, GĐ Công ty SD 4 tại Ialy
- * Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BĐHDA Thủy điện Tuyên Quang
- * Từ 2004 đến nay Kỹ sư XD – PGĐ Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 14.198

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **NINH DUY PHÓNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1964

Nơi sinh: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Địa chỉ thường trú: Hạ Đình – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế ô tô

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1989 đến nay công tác tại Tập đoàn Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc BHDAD Thủy điện Sơn La – Thành viên hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 349.400. CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ tư:**

Họ và tên : **NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/8/1981.

Nơi sinh: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

* Từ 1999 – 2003: Sinh viên Học viện Tài Chính.

* Từ tháng 7/2003 – 11/2006: Công tác tại phòng TCKT - Công ty cổ phần Sông Đà 7

* Từ 12/2006 – 7/2007: Làm phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 8/2007 đến nay: Làm Kế toán trưởng công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 7, Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7; Chủ tịch Công ty TNHH Điện Biên Sông Đà 7; Chủ tịch Công ty TNHH 1TV Sông Đà 709; Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà 7;

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 349.400. CP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 5.235.CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

2. BAN KIỂM SOÁT:

*** Thành viên thứ nhất - Trưởng Ban kiểm soát:**

Họ và tên: **VŨ ĐỨC QUANG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/08/1967

Nơi sinh: TT Nho Quan – Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TT Nho Quan – Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 100 – P. Hoàng Cầu – P. Ô Chợ Dừa - Đống Đa – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.721

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1991 đến nay công tác tại Tập đoàn Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng BDH DA HH4 của Tập đoàn Sông Đà: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện vốn nhà nước : 174.500 CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **PHẠM VĂN HOẠT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 31/08/1966

Nơi sinh: Tân Phương – Ứng Hoà - Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Phương – Ứng Hoà - Hà Tây

Địa chỉ thường trú: P. Tân Thịnh – TX Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0223.831.517

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

+ Từ 1984 - 1987 làm công nhân

+ Từ 1987 - 1998 nhân viên phòng TC lao động tiền lương

+ Từ 1998 - 2002 nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

+ Từ 2002 – 2005 trưởng ban TCKT Chi nhánh Sơn La

+ Từ 2005 – 2006 Phó kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

+ Từ 2006 - 2010 Trưởng ban TCKT Xi nghiệp Sông Đà 706.

+ Từ 2010 đến nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 8

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 8, TV ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 13.324

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN VIỆT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/09/1965

Nơi sinh: Tân Phú – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Phú – Quốc Oai – Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Khu tập thể điện A-Văn Khê- Hà Đông – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên

Quá trình công tác:

+ Từ 1993 đến 2000: Công tác tại Công ty Sông Đà 10

+ Từ 2000 đến 2002 : Công tác tại Công ty Sông Đà 10

+ Từ 2002 đến 2009 : Công tác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10

+ Tháng 2009 đến nay: Trưởng phòng KTKH - Công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT; BAN KIỂM SOÁT.

3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Ngay từ đầu năm Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác cho năm 2010, chương trình công tác hàng quý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Hội đồng quản trị họp mỗi quý một lần để kiểm tra tình hình thực hiện công việc của từng thành viên cũng như Ban Tổng giám đốc điều hành và xây dựng kế hoạch sản xuất ở quý tiếp theo giao Ban Tổng giám đốc thực hiện.

- Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát sao trong từng kỳ báo cáo. Chỉ đạo điều hành các đơn vị thành viên(Công ty CP con, công ty TNHH1TV) tuân thủ điều lệ công ty, điều lệ công ty con, Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

- Xây dựng các biện pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo Công ty tổ chức sản xuất, huy động tối đa nguồn lực triển khai thực hiện, khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững.

- Trong năm 2010, trên cơ sở các quy định mới ban hành của nhà nước liên quan đến hoạt động SXKD của công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành kịp thời các quy chế quản lý nội bộ, các dự án đầu tư, bộ máy tổ chức, nhân sự.... tạo điều kiện để ban Tổng giám đốc điều hành triển khai công việc.

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với nguyên tắc chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, lấy ngăn chặn phòng ngừa làm mục tiêu chính; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010 bao gồm cụ thể như sau:

1. Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2010 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty.
2. Kiểm soát việc ban hành các hệ thống quản lý nội bộ: Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát trước và sau khi Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ; tham gia đóng góp ý kiến ngay trong quá trình dự thảo.
3. Thực hiện kiểm tra giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ban hành quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty; trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Hàng quý sau mỗi kỳ quyết toán. Ban kiểm soát thực hiện thẩm định, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của ban Giám đốc, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.
6. Tổ chức thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm 2010; báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010; báo cáo tài chính năm 2010.
7. Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

*** Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.**

- Hội đồng quản trị tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đề ra các chủ trương, kế hoạch, giải pháp giao cho Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nội dung trên.

- Yêu cầu Ban Tổng giám đốc điều hành thường xuyên báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ để chỉ đạo cũng như đưa ra các điều chỉnh cần thiết cho phù hợp .

- Hội đồng quản trị cần phân công rõ ràng từng lĩnh vực phụ trách cho các thành viên để nâng cao hơn hiệu quả của công tác quản lý.

- Mức thù lao áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2010:

+ Chủ tịch hội đồng quản trị (Hoạt động chuyên trách): 30.000.000 đồng/tháng.

+ Thành viên hội đồng quản trị (Hoạt động kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/tháng.

+ Trưởng Ban kiểm soát (Hoạt động kiêm nhiệm): 5.000.000 đồng/tháng.

+Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.

Thù lao được quyết toán theo tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2010 là 477.100.000, đồng, cụ thể như sau

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		273.100.000	
1	Nguyễn Sỹ Cát	Chủ tịch HĐQT	36.300.000	3.5 tháng
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	60.000.000	
3	Vũ Quang Dưỡng	Ủy viên HĐQT	60.000.000	
4	Ninh Duy Phóng	Ủy viên HĐQT	60.000.000	

5	Nguyễn Thông Hoa	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	3 tháng UV
6	Nguyễn Hồng Trường	Ủy viên HĐQT	41.800.000	
II	Ban Kiểm soát		156.000.000	
1	Vũ Đức Quang	Trưởng BKS	60.000.000	
2	Phạm Văn Hoạt	Thành viên BKS	48.000.000	
3	Phạm Đình Hùng	Thành viên BKS	14.500.000	
4	Nguyễn Văn Việt	Thành viên BKS	33.500.000	
III	Thư ký Công ty		48.000.000	
1	Trần Văn Quỳnh	Thư ký Công ty	28.800.000	
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thư ký Công ty	24.000.000	
	Tổng cộng		477.100.000	

D. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty: 04 người

E. Thông tin các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Cổ đông lớn: không có giao dịch

Cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	
			01/01/2010	31/12/2010
1	Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông sáng lập	2.724.800	2.724.800
1	Nguyễn Sỹ Cát	Cổ đông sáng lập	9.230	9.230
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	3.986	3.986
3	Vũ Quang Dương	Cổ đông sáng lập - Ủy viên HĐQT	14.198	14.198
4	Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng giám đốc	51	51
5	Phạm Văn Hoạt	Thành viên BKS	13.324	13.324

G. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng của Hội đồng quản trị như: Chi phí hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị, chi phí tổ chức các phiên họp, công tác phí phục vụ cho công việc của Công ty được tính vào chi phí chung của công ty trên cơ sở hợp lý và có hoá đơn chứng từ hợp lệ theo nguyên tắc kế toán tài chính của Công ty.

VIII.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến 16/03/2011

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	3.186	8.700.451	96,95%
1	Cá nhân	3.137	4.974.331	55,27%
2	Tổ chức	49	3.750.872	41,68%
	Trong đó: Cổ đông lớn Tập đoàn Sông Đà		2.724.800	30,3%
II	Cổ đông nước ngoài	71	299.332	3,05%
1	Cá nhân	67	188.248	2,092%
2	Tổ chức	04	86.549	0,96%
III	Cổ phiếu quỹ			
	Tổng cộng		9.000.000	100%

2.1 Cổ đông Nhà nước

Tên cổ đông: Tập đoàn Sông Đà

Địa chỉ: Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.724.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 30,3%

2.2. Cổ đông sáng lập

a. Tập đoàn Sông Đà (Như trên)

b. Ông Nguyễn Sỹ Cát

Họ và tên: Nguyễn Sỹ Cát

Ngày tháng năm sinh: 03/09/1959

Địa chỉ thường trú: P. Văn Mỗ – TX Hà Đông – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi – CN Luật

Số lượng cổ phần sở hữu: 9.230 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,1%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2010: Không

c. Ông Vũ Quang Dưỡng

Họ và tên: Vũ Quang Dưỡng

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Địa chỉ thường trú: P. 107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437871916

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu: 14.198 CP

Tỷ lệ sở hữu: 0,16%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2010: Không

2.3 Cổ đông nước ngoài: Công ty không có cổ đông lớn là cổ đông nước ngoài

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

IX.1 NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ CAM KẾT ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội luôn được Công ty cổ phần Sông Đà 7 quan tâm như một trách nhiệm đối với xã hội, đặc biệt cho sự nghiệp giáo dục và chăm lo cho người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

Với truyền thống của Tập đoàn Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 luôn quan tâm đến đời sống của CB CNV cũng như gia đình của họ. Hàng năm căn cứ vào kết quả học tập của các cháu con em CBNCV, Công ty tổ chức trao học bổng Sông Đà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập. Năm 2010 Công ty đã trao 90 suất học bổng Sông Đà với tổng số tiền 40 triệu đồng, ủng hộ đồng bào miền Trung trong đợt lũ lịch sử số tiền 250 triệu đồng. Xây dựng mới và sửa chữa năm căn nhà tình nghĩa cho CB CNV của Công ty có hoàn cảnh khó khăn. Hỗ trợ CB CNV đã nghỉ hưu tại Thủy điện Hoà Bình 100 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá xã Yên Lạc Vĩnh Phúc: 100 triệu đồng.

IX.2 ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư được chú trọng thông qua việc duy trì sự phát triển liên tục và bền vững. Công ty chủ động công bố thông tin định kỳ và kịp thời với tính chính xác và minh bạch cao. Đồng thời, công ty mong muốn tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ phía các cổ đông.

IX.3 ĐỐI VỚI CB CNV.

Trân trọng sự đóng góp của nhân viên là mục tiêu trong chính sách nhân sự của Công ty. Tạo môi trường làm việc thân thiện nhằm khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Các chương trình đào tạo được Công ty quan tâm nhằm nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ cấp cao nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển trong xu thế hội nhập.

Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng và kịp thời luôn được chú trọng xây dựng và áp dụng để nhân viên ý thức được thành quả của công ty là thành quả của chính mình.

TỔNG GIÁM ĐỐC